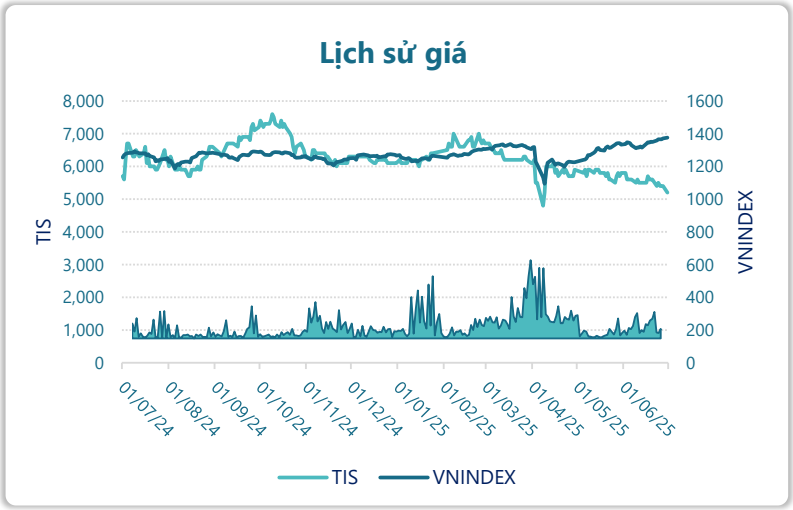
FireAnt

CTCP Gang thép Thái Nguyên (UPCOM: TIS)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,800
SL cổ phiếu LH	183,988,900
KLGD BQ 20 phiên (CP)	133,350
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	957
P/E	-211.8
EPS	-25

DT thuần

Q2/25

3,399

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 567| 20.0%

YoY: ▲ 328| 10.7%

LN sau thuế

Q2/25

14.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 23.7| 259%

YoY: ▲ 15.5| 1630%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

1.5%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

6T 2025

6,232

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 978| 18.6%

LN sau thuế

6T 2025

5.37

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.35| 7.0%

ROE

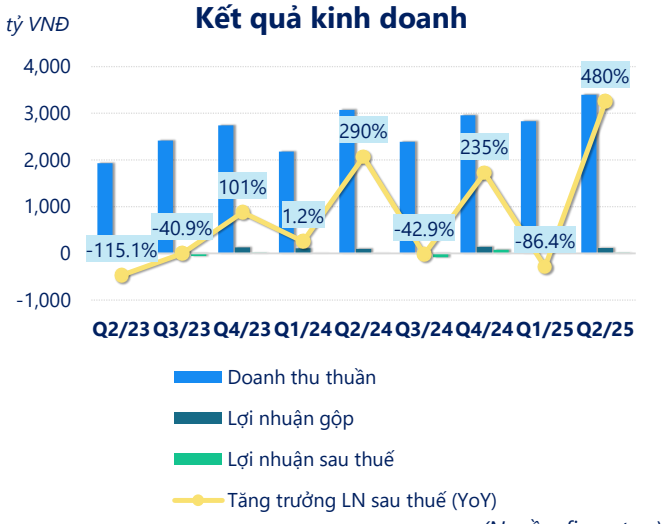
Q2/25

-0.3%

+/- YoY: ▲ 2.0%

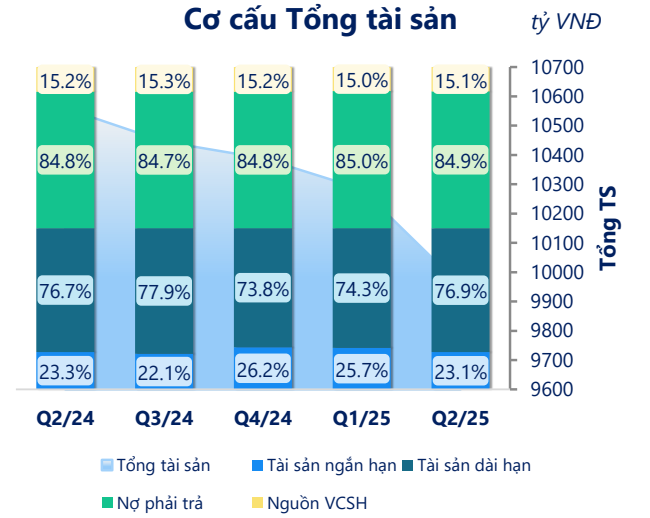
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



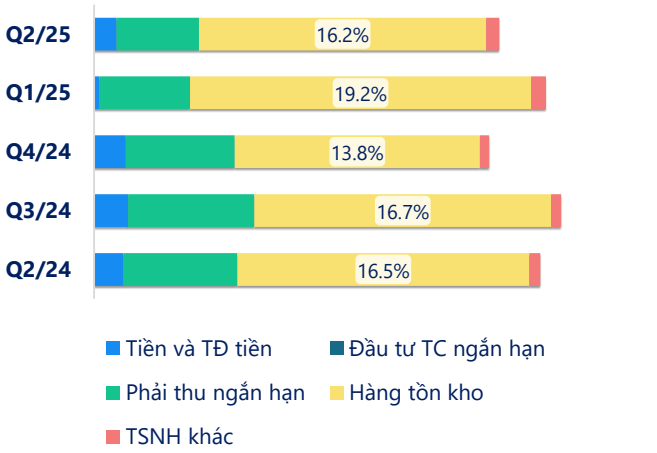
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



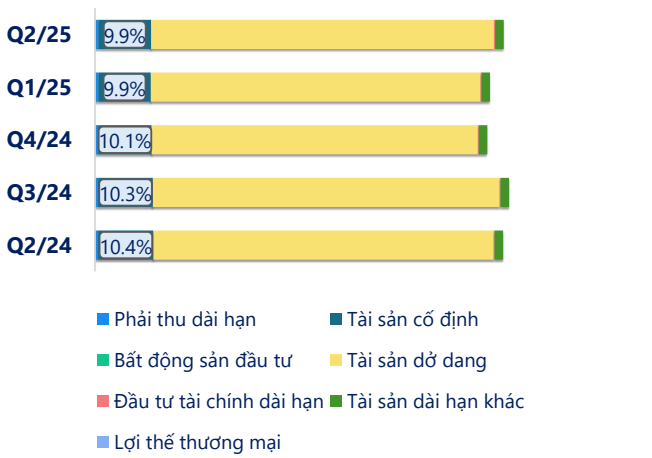
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



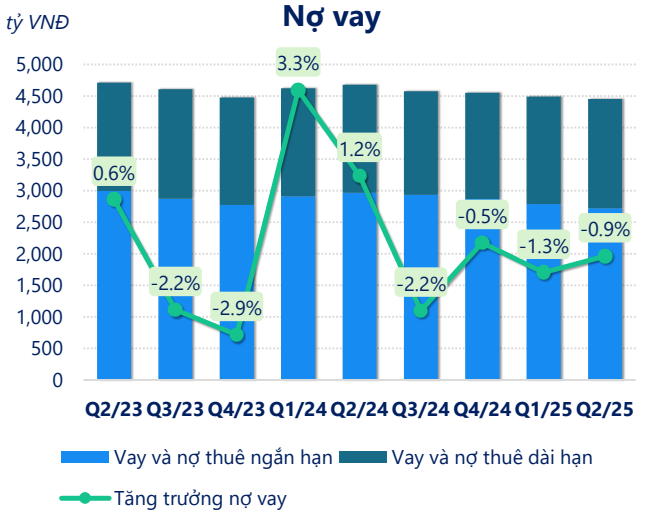
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



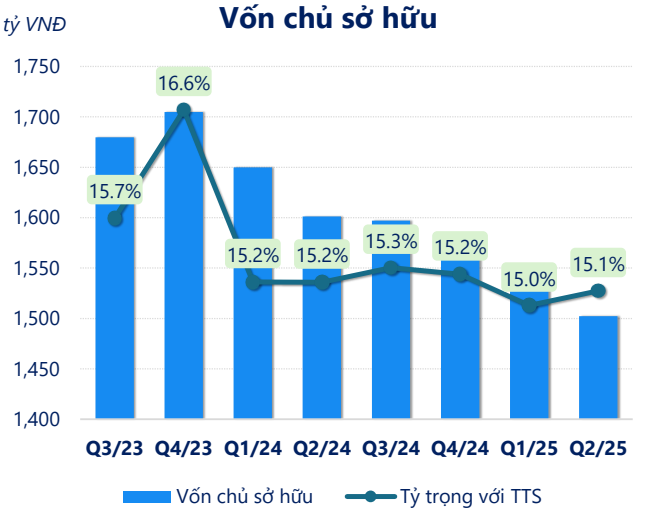
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



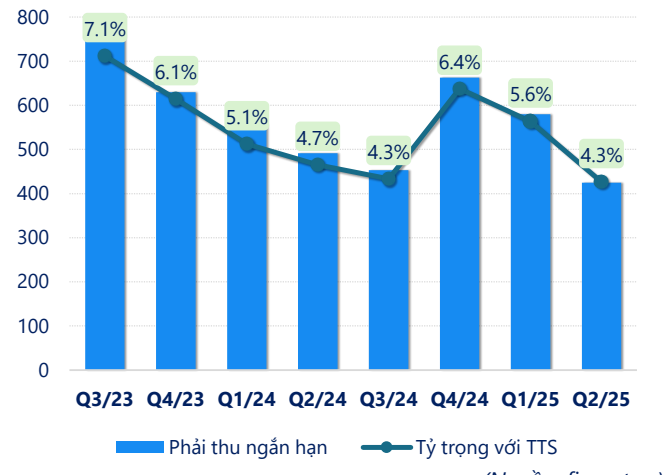
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



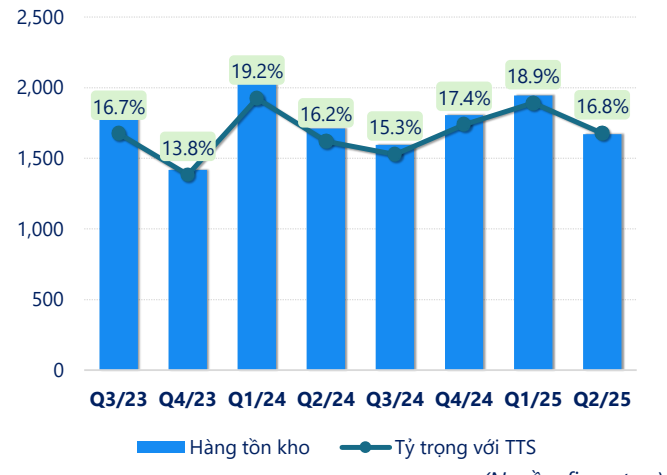
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



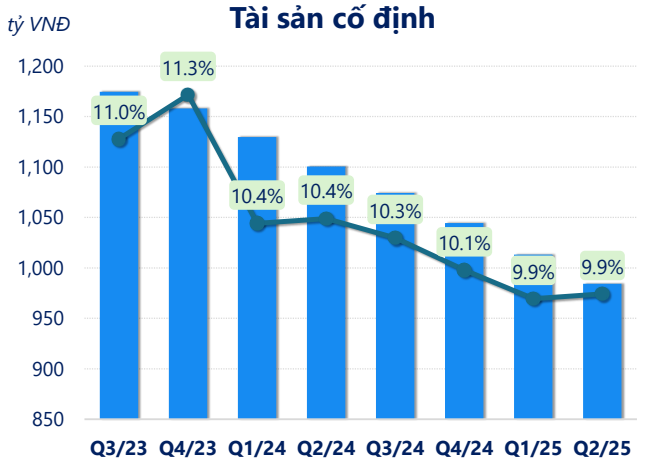
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



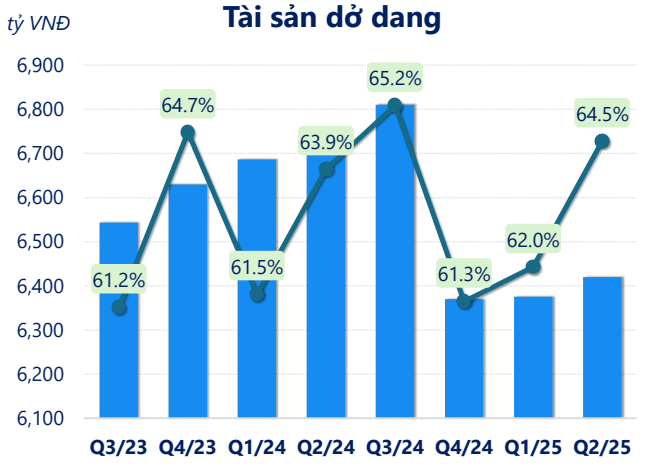
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



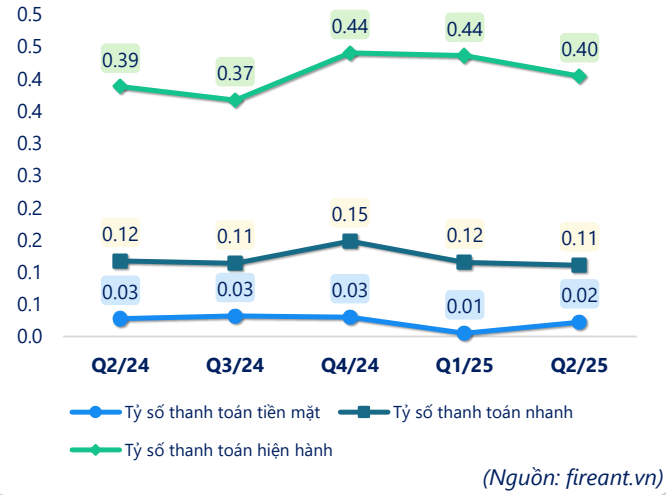
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



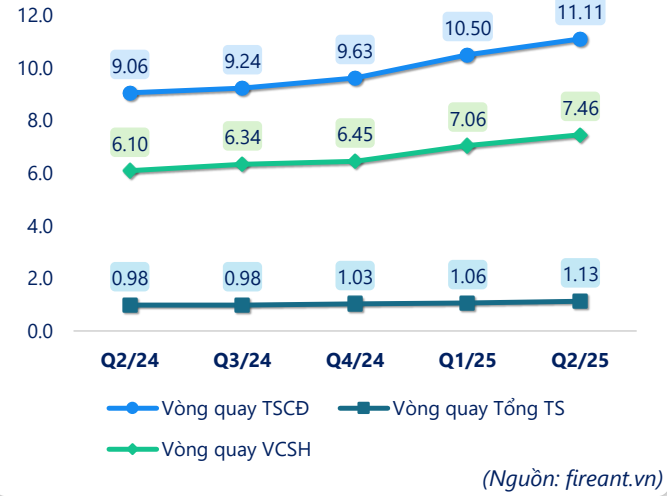
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**10,559**	**10,445**	**10,389**	**10,283**	**9,954**
Tài sản ngắn hạn	**2,455**	**2,310**	**2,720**	**2,641**	**2,299**
Tiền và tương đương tiền	175	201	186	30.5	126
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	8.63	8.63
Phải thu ngắn hạn	491	453	663	579	424
Hàng tồn kho	1,712	1,596	1,805	1,944	1,670
Tài sản ngắn hạn khác	76.9	60.7	65.7	78.2	70.0
Tài sản dài hạn	**8,104**	**8,135**	**7,669**	**7,641**	**7,654**
Phải thu dài hạn	63.4	63.6	63.8	65.8	66.0
Tài sản cố định	1,100	1,074	1,045	1,013	984
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6,752	6,810	6,370	6,375	6,420
Đầu tư tài chính dài hạn	19.3	19.3	19.3	19.3	19.3
Tài sản dài hạn khác	169	167	171	168	166
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**8,958**	**8,848**	**8,806**	**8,743**	**8,451**
Nợ ngắn hạn	**6,329**	**6,295**	**6,176**	**6,057**	**5,687**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,966	2,931	2,866	2,789	2,719
Phải trả người bán ngắn hạn	679	610	1,074	967	594
Nợ dài hạn	2,629	2,553	2,630	2,687	2,764
Vay và nợ thuê dài hạn	1,712	1,643	1,684	1,703	1,734
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,601**	**1,597**	**1,582**	**1,539**	**1,502**
Vốn chủ sở hữu	**1,601**	**1,597**	**1,582**	**1,539**	**1,502**
Vốn điều lệ	1,840	1,840	1,840	1,840	1,840
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)